

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/KDTM-ST
Ngày 21/9/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
gia công hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Phương
2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 31/2018/TLST-KDTM ngày 26/6/2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-KDTM ngày 16/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST- KDTM ngày 31/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật HK

Địa chỉ trụ sở: Khu x, phường y, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp:

Ông Nguyễn Văn T, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc công ty) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn M

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp x1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông DP, trú tại Khu công nghiệp x1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Tổng giám đốc Công ty) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật HK (Sau đây gọi tắt là Công ty HK) và Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) có ký Hợp đồng kinh tế số 03/2017/Công ty M-HKTSC ngày 02/02/2017 và phụ lục hợp đồng kinh tế, về việc gia công chế tạo thành phẩm kết cấu thép. Cụ thể nội dung hợp đồng như sau: Phía Công ty HK có nghĩa vụ thực hiện gia công sản phẩm theo số lượng, chất lượng, hình ảnh do Công ty M chỉ định theo từng đơn hàng cụ thể. Các thông tin mô tả chi tiết, số lượng, khối lượng, thông số kỹ thuật, đơn giá và tổng giá trị của các dịch vụ/ hàng hoá mà Công ty M yêu cầu phía Công ty HK cung cấp sẽ được thể hiện trên một Đơn hàng; ngày và địa điểm mà Công ty M yêu cầu Công ty HK cung ứng dịch vụ hoặc cung cấp hàng hoá, các điều khoản và điều kiện giao hàng mà Công ty HK phải tuân theo, giá trị của Đơn hàng và phương thức thanh toán là 30 ngày sau ngày nghiệm thu và Công ty M nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng. Các Đơn hàng này được xác nhận và ký bởi đại diện pháp luật của Công ty M và Công ty HK.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty HK đã hoàn thành nghĩa vụ gia công chế tạo các sản phẩm theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Công ty M đưa ra; đồng thời đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng từng Đơn hàng của Công ty M. Tuy nhiên bắt đầu từ ngày 26/4/2018, Công ty M chưa thanh toán tiền như cam kết trong Đơn hàng nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Theo đơn khởi kiện, Công ty HK yêu cầu Công ty M phải thanh toán số tiền nợ gốc là 12.709.039.550 đồng (mười hai tỷ bảy trăm lẻ chín triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 26/4/2018 cho đến ngày 12/6/2018 là 226.379.766 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng).

Tại phiên tòa: Công ty HK giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền gốc theo khởi kiện nhưng rút toàn bộ yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng Công ty M không đến làm việc,

không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty M phải thanh toán tiền nợ theo hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ đã cam kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Công ty HK khởi kiện Công ty M, trụ sở: Khu công nghiệp x1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền mua bán hàng hóa và tiền cung cấp dịch vụ. Xét thấy Công ty HK và Công ty M là hai pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp, do hợp đồng giữa hai bên không thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng gia công hàng hóa”.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3501936853 cấp ngày 04/10/2011, cấp đổi lần 2 ngày 11/9/2013 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty M có địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp x1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; người đại diện theo pháp luật là Ông DP-Tổng giám đốc Công ty; hiện nay Công ty M chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản.

Theo công văn số 1362/BQL-CV ngày 19/7/2018 của Ban quản lý các khu công nghiệp thì lãnh đạo doanh nghiệp Công ty M và người lao động đã không đến làm việc từ ngày 24/5/2018; đồng thời từ ngày 31/5/2018 văn phòng, nhà xưởng và toàn bộ tài sản của Công ty M do Ngân hàng Quân Đội – chi nhánh Bà Rịa, trông giữ.

Theo xác minh của Tòa án tại Đồn công an khu công nghiệp Tân Thành thì Công ty M không còn hoạt động và tài sản của công ty do Ngân hàng Quân đội cử người trông coi.

Theo Công văn số 7677/CT-KTR1 ngày 21/8/2018 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì hiện tại Công ty M không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế nên không thể cung cấp thông tin liên quan đến việc kê khai thuế.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa sơ thẩm lần 2, Công ty M vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty M là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:

Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp:

Công ty HK và Công ty M đã ký các hợp đồng kinh tế, về việc gia công kết cấu thép các loại. Do đến nay, Công ty M không thanh toán tiền nên phát sinh tranh chấp đến Tòa án.

Xét hình thức của hợp đồng gia công hàng hóa: Khi giao kết hợp đồng, Công ty HK và Công ty M được coi là pháp nhân theo đúng quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự 2005. Hợp đồng được thể hiện bằng hình thức văn bản, tự nguyện theo đúng Điều 24 Luật thương mại. Đại diện ký tên trong hai hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai công ty theo quy định tại Điều 86, Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng gia công sản phẩm là thép và mặt hàng cơ khí thép không nằm trong danh mục cấm và theo đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước.

Do đó các hợp đồng giữa Công ty HK và Công ty M được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy từ các chứng cứ là hợp đồng kinh tế, các biên bản nghiệm thu sản phẩm và các hóa đơn chứng từ có trong hồ sơ phù hợp lời trình bày của nguyên đơn thể hiện việc giao kết cũng như thực hiện hợp đồng gia công hàng hóa giữa Công ty HK và Công ty M là đúng sự thật và đúng như nguyên đơn đã trình bày, thể hiện Công ty HK đã hoàn thành nghĩa vụ của bên gia công được quy định tại Điều 178, khoản 1 Điều 180, Điều 182 Luật thương mại; phía Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thù lao theo quy định tại Điều 184 Luật thương mại. Theo Thư xác nhận công nợ số ngày 31/5/2018, Công ty M xác nhận còn nợ Công ty HK số tiền nợ gốc là 12.709.039.550 đồng (mười hai tỷ bảy trăm lẻ chín triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng). Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty M có nghĩa vụ trả cho Công ty HK số tiền 12.709.039.550 đồng (mười hai tỷ bảy trăm lẻ chín triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của phía nguyên đơn thì thấy: Do Công ty HK tự nguyện rút yêu cầu Công ty M trả tiền lãi do chậm thanh toán nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc phía Công ty M phải thanh toán cho Công ty HK, tổng số tiền 12.709.039.550 đồng (mười hai tỷ bảy trăm lẻ chín triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Bị đơn trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa hôm nay: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được cung cấp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng phía Công ty M không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án nên coi như từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty HK.

Công ty M phải nộp: $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \times (12.709.039.550 - 4.000.000.000) \text{ đồng} = 120.709.040$ (một trăm hai mươi triệu bảy trăm lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 549, 550, 551, 552, 557 Bộ luật dân sự 2005; Điều 178, khoản 1 Điều 180, Điều 181, Điều 182 và Điều 183 Luật thương mại;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật HK đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn M về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công hàng hóa”.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật HK, số tiền **12.709.039.550** đồng (mười hai tỷ bảy trăm lẻ chín triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải nộp 120.709.040 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật HK số tiền là 5.659.000 đồng (năm triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003162 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Bảo Ngọc